

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HS-PT

Ngày: 29-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Lâm và bà Phạm Thị Mai Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 46/2021/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Đức L, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2021/HSST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Đức L**, sinh năm 1991 tại Hưng Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T và bà Ngô Thị D; có vợ là Ngô Thị Phương L và 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2020 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH A; địa chỉ: Cụm công nghiệp L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Kh - Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: T, thị trấn T, huyện P, tỉnh H; vắng mặt.

Vụ án có 01 bị cáo không kháng cáo và bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH A là doanh nghiệp ngoài nhà nước, trụ sở tại cụm công nghiệp L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Công ty A hoạt động kinh doanh lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Ngày 01/3/2019, Công ty A ký hợp đồng lao động với Cát Thị Th làm kế toán kho cho công ty. Theo nội dung hợp đồng, Th chịu trách nhiệm nhập, xuất toàn bộ hàng hóa của công ty. Khi nhập hàng phải kiểm tra đầy đủ hàng trước khi nhập – xuất và ký phiếu nhập – xuất hàng, chịu trách nhiệm về số liệu trên phiếu mình đã ký, chịu trách nhiệm về số lượng hàng hóa tồn trong kho, lập báo cáo nhập – xuất – tồn kho hàng ngày cho công ty... Ngoài ra, Th được công ty giao nhiệm vụ thủ kho, khi có hàng nhập vào công ty, Th sẽ làm nhiệm vụ kiểm đếm, sau khi kiểm đếm đủ hàng sẽ làm 02 phiếu nhập kho, 01 phiếu đưa cho lái xe chở hàng, 01 phiếu để báo cáo lên công ty.

Ngày 17/4/2020 công ty A ký hợp đồng mua bán nguyên liệu với công ty B, địa chỉ: Lô X đường Y, khu đô thị Đ, xã C, huyện G, thành phố H. Công ty B giao cho Phạm Đức L là lái xe của công ty B điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29C-939.88 của công ty chở số nguyên liệu trên đến giao cho công ty A. Theo hợp đồng lao động, L là lái xe của công ty B, có nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu cho công ty, không được phép bán hàng hóa, nguyên liệu công ty trong quá trình vận chuyển. Công ty A giao cho Cát Thị Th kiểm đếm và nhận đủ số hàng gồm 80 bao Lysin 98% (tổng 2000kg) và 40 bao Methionine (tổng 1000kg).

Quy trình nhập hàng của công ty A như sau: Sau khi ký hợp đồng với công ty B, ô tô chở hàng của công ty B đi qua cổng bảo vệ, bảo vệ tiến hành cân trọng lượng của cả xe và hàng. Sau đó hàng đi vào kho, thủ kho của công ty sẽ cho người bốc hàng xuống, tiến hành kiểm đếm và làm các thủ tục nhập kho. Thời điểm hàng hóa được làm xong các thủ tục nhập kho thì được coi là hàng của công ty A. Sau khi nhập hàng vào kho, xe ô tô chở hàng sẽ đi ra ngoài qua cổng bảo vệ, bảo vệ tiếp tục cân để xác định trọng lượng xe lúc ra rồi lấy trọng lượng xe lúc vào trừ trọng lượng xe lúc ra để xác định lượng hàng đã nhập kho rồi in ra 01 phiếu cân hàng nhập và đối chiếu với phiếu nhập kho mà thủ kho đưa cho người lái xe.

Khoảng 15 giờ ngày 17/4/2020, L làm thủ tục cân xe và hàng qua cổng công ty rồi điều khiển xe đến kho hàng nguyên liệu để làm thủ tục xuống hàng. Tại kho hàng, L và Th thống nhất bớt lại 08 bao Methionine (do đếm nhầm nên thực tế để lại 10 bao với tổng trọng lượng là 250kg) trên xe ô tô, đồng thời lấy trong kho công ty 03 bao Tryptophan (tổng trọng lượng là 60kg) bán lấy tiền chia nhau. Đồng thời Th làm 03 phiếu nhập kho, 02 phiếu nhập kho ghi khối lượng hàng nhập là 3000kg để Th giữ đưa cho lãnh đạo công ty và đưa cho L nộp cho công ty B, 01 phiếu nhập kho ghi khối lượng hàng nhập là 2.800kg đưa cho L qua cổng bảo vệ để tránh bị phát hiện. Sau đó Th nhập vào dữ liệu báo cáo hàng ngày bằng văn bản gửi email cho lãnh đạo công ty A đã nhập đủ khối lượng 1000kg Methionine và 2000kg Lysin. L đem bán 10 bao Methionine cho chị Lê Thị Th1 với giá 10.000.000đ; còn 03 bao Tryptophan do không thỏa

thuận được giá nên chiều cùng ngày L đem về trả lại cho công ty A, đồng thời chia cho Th số tiền 5.000.000đ. Do nghi ngờ L và Th chiếm đoạt tài sản của công ty nên ông Nguyễn Đình T1 là bảo vệ đã báo cáo lãnh đạo công ty. Ngày 18/4/2020, Th và L mua lại 10 bao Methionine của chị Th1 với giá 11.000.000đ. L nhờ anh Vũ Văn M chở hàng trả lại công ty. Sau khi nhận hàng Th đưa lại cho anh M số tiền 6.000.000đ để anh M đưa cho L thì bị phát hiện bắt giữ và thu giữ vật chứng.

Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG –TTHS ngày 07/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng UBND huyện C kết luận: Giá trị 60 kg Tryptophan là 9.600.000đ; giá trị của 250 kg Methinonine là 14.000.000đ, tổng giá trị 23.600.000đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2021/HSST ngày 23/3/2021, Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuyên bố bị cáo Phạm Đức L phạm tội Tham ô tài sản. Xử phạt bị cáo Phạm Đức L 26 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2020. Ngoài ra, bản án còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Cát Thị Th, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/3/2021, bị cáo Phạm Đức L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo L giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Phạm Đức L trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo Phạm Đức L tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo và bị cáo Cát Thị Th tại cấp sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 17/4/2020 tại kho hàng nguyên liệu của công ty A, địa chỉ: Cụm công nghiệp L, huyện C, tỉnh Hải Dương, bị cáo Cát Thị Th là thủ kho, được giao nhiệm vụ quản lý hàng nhập và xuất của công ty. Bị cáo cùng Phạm Văn L là lái xe đã có

hành vi chiếm đoạt nguyên liệu vi lượng sản xuất cám gồm 10 bao (250 kg) Methionine, 03 bao Tryptophan (60kg). Tổng giá trị các bị cáo chiếm đoạt là 23.600.000đ. Hành vi của bị cáo Cát Thị Th là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý, hành vi của bị cáo L là giúp sức cho bị cáo Th thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, gây hậu quả là thiệt hại về tài sản trị giá 23.600.000đ cho công ty A. Hành vi của các bị cáo Th, L đã đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Th, L về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về tội danh bị cáo L không kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Đức L thì thấy: Các bị cáo đồng phạm về tội Tham ô tài sản. Xem xét vai trò của từng bị cáo thì thấy trong vụ án này, bị cáo Th lợi dụng chức vụ, quyền hạn là thủ kho để chiếm đoạt tài sản của Công ty A, bị cáo L không phải là người có chức vụ, quyền hạn nhưng bàn bạc, thống nhất với bị cáo Th để chiếm đoạt tài sản, bị cáo L giữ vai trò sau đồng phạm giúp sức, là người thực hành tích cực, nên bị cáo Th giữ vai trò chính, bị cáo L giữ vai trò sau. Cấp sơ thẩm đánh giá vị trí, vai trò của bị cáo L ngang bằng với vị trí, vai trò của bị cáo Th là chưa chính xác. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo cùng bị cáo Th đã khắc phục toàn bộ tài sản chiếm đoạt nên cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù có thời hạn và xử phạt bị cáo Phạm Đức L mức hình phạt 26 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo L không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Đức L; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2021/HSST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Đức L phạm tội Tham ô tài sản.

- Xử phạt bị cáo Phạm Đức L 26 (hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị bắt tạm giam 11/9/2020.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Đức L phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 29.6.2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan CSĐT, HSNV, THAHS - Công an huyện C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo; Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại. Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn